

Bản án số: 133/2018/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 6 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 203/2018/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Huỳnh Ngọc L, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp TT, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Hồng T, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp TH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Huỳnh Ngọc L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Hồng T chung sống vào năm 1997, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cù cãi, bất đồng trong vấn đề tài chính trong gia đình, chị T không quan tâm

chăm sóc gia đình. Anh và chị T đã ly thân 4 tháng. Nay anh xét thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng nên yêu cầu được ly hôn với chị T.

- *Về nuôi con chung*: Anh L và chị T có 02 con chung tên là Huỳnh Ngọc A, sinh ngày 20/12/2000 và Huỳnh Kim A, sinh ngày 15/4/2009 hiện 02 người con đang sống chung với vợ chồng. Khi ly hôn, anh và chị T tự thỏa thuận việc nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về chia tài sản*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ người khác và người khác nợ lại*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Hồng T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn như anh L trình bày là đúng. Chị T cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì, chị và anh L không có cự cãi và bất đồng về vấn đề tài chính trong gia đình như anh L trình bày, chỉ có một lần vợ chồng bất đồng quan điểm nên có cãi nhau. Nay chị không đồng ý ly hôn với anh L, chị xin đoàn tụ.

- *Về nuôi con chung*: Chị và anh L có 02 con chung như anh L trình bày là đúng, hiện 02 người con đang sống chung với vợ chồng. Chị và anh L sẽ tự thỏa thuận về nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về chia tài sản*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ người khác và người khác nợ lại*: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh L và chị T vẫn giữ nguyên quan điểm, không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Vụ kiện giữa nguyên đơn anh Huỳnh Ngọc L, bị đơn chị Nguyễn Hồng T là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của anh L về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng*: Vào năm 1997, anh L và chị T chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Như vậy, theo điểm b mục 3 của Nghị Quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình và theo quy định của Luật Hôn nhân và

Gia đình thì mối quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị T không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do đó, anh L và chị T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] *Xét yêu cầu về nuôi con chung và chia tài sản, Hội đồng xét xử thấy rằng:* Anh L và chị T thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] *Xét về nợ người khác và người khác nợ lại:* Anh L và chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] *Về án phí hôn nhân và gia đình:* Anh L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; Điều 35; Điều 91; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Ngọc L.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận anh Huỳnh Ngọc L và chị Nguyễn Hồng T là vợ chồng.

2. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:*

Anh Huỳnh Ngọc L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0009857 ngày 03/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; anh Huỳnh Ngọc L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án*

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh